

Bản tin Phân tích kỹ thuật

12/05/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G5000 hồi phục sau khi tiếp cận vùng 2.025 điểm. Hợp đồng đóng cửa trên đường MA200, tạo xác suất tăng giá trong phiên 13/05. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua quanh 2.044 điểm, mục tiêu tại 2.057 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 2.037 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 2.044 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.057 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.037 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Trung tính	Trung tính
VNSmall	Trung tính	Trung tính
HNX	Trung tính	Trung tính

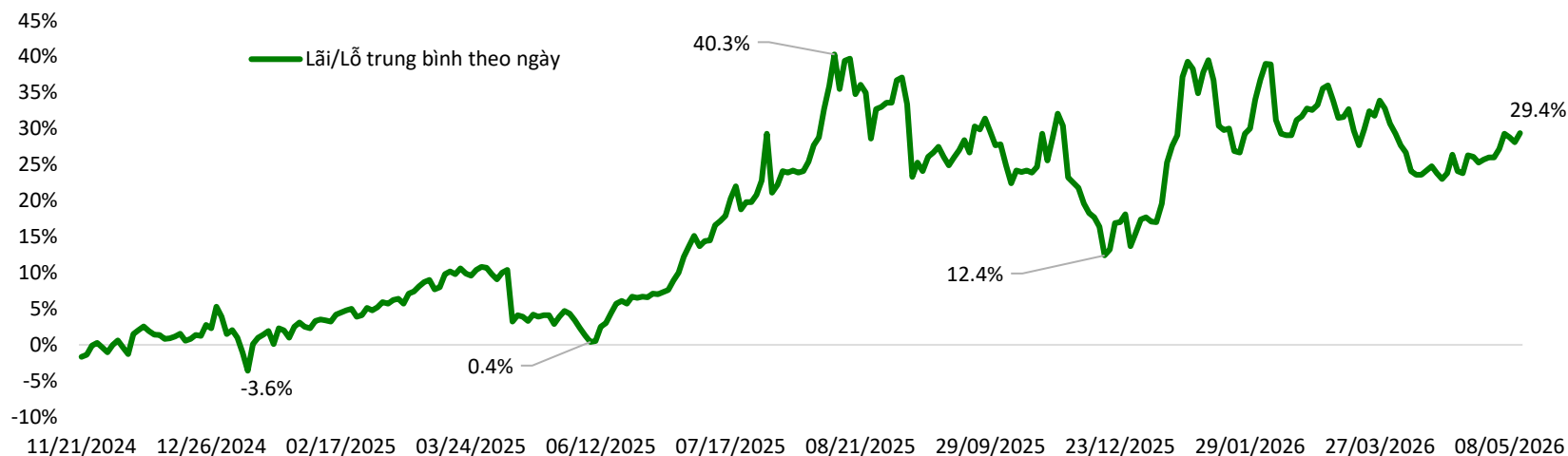


Nguồn: Vietcap

- Về diễn biến trong phiên, hoạt động bán lấn át phần lớn thời gian trong ngày nhưng so với phiên 11/05, áp lực đã được tiết chế đáng kể, thể hiện qua mức thanh khoản thấp. Đáng chú ý, khi VN-Index lùi về vùng 1.870 điểm, lực mua xuất hiện và giúp phần lớn cổ phiếu sàn HOSE thu hẹp đà giảm. Tuy nhiên, hoạt động mua chỉ gia tăng mạnh trên cục bộ và chủ yếu ở nhóm Bất động sản và Ngân hàng.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index thu hẹp hoàn toàn đà giảm trong ngày sau khi tiếp cận vùng giá thấp 1.870 điểm và đây sẽ là hỗ trợ trong thời gian sắp tới. Ngoài ra, áp lực bán thuyên giảm sẽ tạo điều kiện cho chỉ số tăng giá trong phiên 13/05 với mục tiêu gần tại khu vực 1.930 điểm.
- Xét về xu hướng vận động, áp lực bán đã hạ nhiệt quanh vùng giá thấp nhưng lực cầu vẫn chưa lan tỏa rộng. Do đó, VN-Index nhiều khả năng sẽ tăng trong trạng thái giằng co trong một vài phiên tới và vẫn chịu tác động từ lực bán trong ngày.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
CTG	29/04/2026		Đang mở	35,250	34,750	1.4%	33,000	37,800		
MWG	29/04/2026		Đang mở	83,800	84,300	-0.6%	81,500	92,700		
SAB	29/04/2026		Đang mở	47,000	47,500	-1.1%	46,000	53,600		
DXG	07/05/2026		Đang mở	16,200	15,450	4.9%	15,000	17,500		
VPL	07/05/2026		Đang mở	89,500	88,000	1.7%	83,500	105,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STB	76,800	6.37%	15.32%	144,785	1.773	2,454	2.4	31.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIC	222,000	-0.45%	1.14%	1,710,739	-1.475	1,506	11.5	147.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	76,500	3.94%	-1.54%	184,591	1.398	4,808	2.7	15.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	29,100	4.86%	8.79%	145,712	1.363	2,612	2.1	11.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
GVR	36,300	4.46%	3.13%	145,200	1.245	1,572	2.5	23.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	124,200	-6.62%	16.29%	79,550	-1.012	5,285	10.4	23.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	54,500	3.22%	13.31%	162,807	1.008	3,738	3.3	14.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	35,450	5.51%	0.71%	80,554	0.853	3,025	1.6	11.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	59,900	-0.66%	0.00%	500,505	-0.638	4,301	2.1	13.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	160,200	-0.50%	5.95%	658,007	-0.628	15,766	2.5	10.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	175,000	2.64%	-3.31%	103,532	0.525	4,290	4.0	40.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
CTG	35,250	-0.98%	-0.14%	273,785	-0.517	4,906	1.5	7.2	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HDB	27,350	1.67%	3.60%	136,894	0.440	3,546	1.7	7.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	66,600	4.55%	-3.76%	49,439	0.433	3,977	2.0	16.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	41,750	0.60%	2.96%	303,943	0.352	4,392	1.6	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	89,400	9.83%	6.18%	80,441	4.106	14,074	4.6	6.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
THD	38,200	9.77%	20.50%	14,707	0.746	271	3.3	140.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	155,000	1.97%	-1.71%	31,000	0.318	13,090	5.2	11.8	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
PVS	40,000	0.76%	-0.99%	20,457	0.080	3,781	1.3	10.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PMC	127,000	-9.29%	-1.17%	1,185	-0.057	8,843	4.6	14.4	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	15,600	-0.64%	-3.70%	16,665	-0.055	491	1.5	31.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	19,400	-0.51%	1.04%	19,418	-0.052	1,760	2.3	11.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTI	28,000	2.94%	-5.08%	3,377	0.052	2,389	1.2	11.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	17,800	0.56%	6.59%	16,010	0.047	1,463	1.3	12.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DHT	69,000	-1.43%	-2.54%	6,250	-0.046	457	5.7	150.9	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DNH	39,300	-14.57%	-14.57%	16,600	-2.313	2,486	3.1	15.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGI	85,300	0.59%	-3.72%	257,604	1.453	3,657	5.8	23.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	59,800	1.53%	7.75%	72,066	1.053	1,955	4.9	30.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	43,800	-0.45%	-2.23%	156,863	-0.682	2,980	2.2	14.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	82,200	0.86%	4.85%	61,132	0.502	4,791	5.2	17.3	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
AGX	230,000	-14.81%	-17.86%	2,492	-0.353	48,433	1.6	4.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TBD	128,000	8.47%	8.47%	4,150	0.336	6,762	5.4	18.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VBB	13,100	-2.24%	-4.38%	14,017	-0.300	1,279	1.1	10.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TID	21,400	7.00%	3.88%	4,220	0.283	2,557	1.3	8.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
GTD	123,300	-23.98%	-12.62%	1,147	-0.263	-4,165	-92.3	-29.6	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính

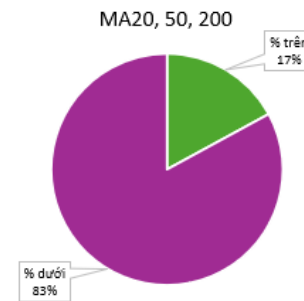
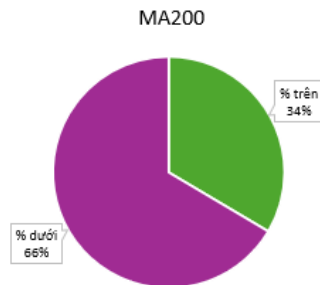
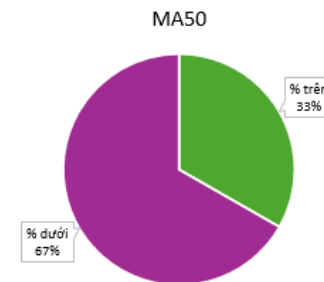
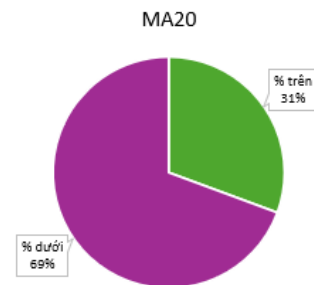
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LPB	54,500	3.2%	134.8	77.3	29,994	53,900	3.3	14.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	76,800	6.4%	515.9	440.5	38,850	73,700	2.4	31.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QNS	48,700	1.5%	52.6	8.7	41,084	48,000	1.7	9.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CDC	21,800	6.9%	5.5	13.2	8,153	20,454	4.0	81.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KDH	23,600	-0.6%	146.8	118.5	23,750	37,000	1.4	21.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	47,900	-1.4%	264.4	198.1	48,600	103,379	1.2	6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ELC	16,000	-4.2%	10.2	5.9	16,700	26,750	1.3	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
APS	6,200	8.8%	10.9	2.1	5,200	13,500	0.7	-14.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			12/05/2026	11/05/2026	08/05/2026	07/05/2026	06/05/2026	05/05/2026	04/05/2026	29/04/2026
VNINDEX	MA200	Trên	30%	30%	28%	30%	30%	30%	31%	31%
		Dưới	70%	70%	72%	70%	70%	70%	69%	69%
	MA50	Trên	40%	38%	37%	37%	40%	35%	38%	37%
		Dưới	60%	62%	63%	63%	60%	65%	62%	63%
	MA20	Trên	33%	33%	32%	37%	42%	36%	41%	40%
		Dưới	67%	67%	68%	63%	58%	64%	59%	60%
VN30	MA200	Trên	53%	50%	53%	53%	50%	50%	50%	43%
		Dưới	47%	50%	47%	47%	50%	50%	50%	57%
	MA50	Trên	60%	60%	60%	57%	60%	50%	60%	45%
		Dưới	40%	40%	40%	43%	40%	50%	40%	55%
	MA20	Trên	43%	50%	53%	60%	67%	57%	53%	53%
		Dưới	57%	50%	47%	40%	33%	43%	47%	47%
HNX	MA200	Trên	33%	34%	35%	35%	36%	35%	36%	34%
		Dưới	67%	66%	65%	65%	64%	65%	64%	66%
	MA50	Trên	34%	34%	34%	35%	35%	34%	37%	35%
		Dưới	66%	66%	66%	65%	65%	66%	63%	65%
	MA20	Trên	33%	34%	35%	35%	36%	35%	36%	34%
		Dưới	67%	66%	65%	65%	64%	65%	64%	66%
UPCOM	MA200	Trên	28%	29%	28%	29%	29%	29%	30%	30%
		Dưới	72%	71%	72%	71%	71%	71%	70%	70%
	MA50	Trên	31%	31%	30%	30%	30%	29%	29%	29%
		Dưới	69%	69%	70%	70%	70%	71%	71%	71%
	MA20	Trên	36%	34%	35%	35%	37%	36%	36%	35%
		Dưới	64%	66%	65%	65%	63%	64%	64%	65%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 5										Tháng 4									
		12	11	08	07	06	05	04	29	28	24	23	22	21	20	17	16	15	14	13	10
1	Tài nguyên Cơ bản	56	56	62	61	55	53	54	54	56	58	58	63	62	64	58	59	61	54	51	58
2	Ngân hàng	55	57	58	57	54	53	53	54	54	59	59	57	57	55	53	53	57	56	53	57
3	Bất động sản	54	56	63	65	63	63	64	62	60	64	62	64	64	66	67	68	67	64	60	63
4	Hàng & Dịch vụ Cón...	52	52	53	53	51	48	46	45	47	51	51	51	48	45	45	45	48	49	49	52
5	Thực phẩm và đồ uố...	52	52	55	55	53	49	52	53	55	58	58	57	57	56	53	52	53	51	52	55
6	Du lịch và Giải trí	50	51	59	59	57	54	55	52	47	50	56	58	61	57	57	57	50	45	44	45
7	Hóa chất	49	48	52	55	52	51	44	43	42	46	46	49	47	45	40	39	42	41	42	43
8	Dịch vụ tài chính	44	44	47	52	43	38	35	38	36	42	44	47	48	51	51	54	55	54	50	53
9	Xây dựng và Vật liệu	44	45	50	53	54	53	56	56	57	62	59	61	60	61	59	60	64	63	58	62
10	Dầu khí	41	37	40	46	50	43	27	29	33	36	36	38	38	37	38	37	38	41	42	39
11	Bán lẻ	39	43	51	46	44	42	40	47	48	55	58	64	63	63	59	57	57	58	55	62
12	Điện, nước & xăng d...	35	36	38	40	37	35	32	29	32	34	37	41	43	48	49	49	52	52	53	53
13	Ô tô và phụ tùng	33	39	45	48	45	46	39	44	49	52	51	54	55	53	50	51	52	53	53	52
14	Hàng cá nhân & Gia ...	29	34	40	38	33	34	36	41	41	47	50	54	52	51	49	50	49	51	45	47
15	Bảo hiểm	24	22	22	20	18	19	17	20	20	25	22	25	27	32	33	37	42	44	42	50
16	Công nghệ Thông tin	12	13	17	17	19	17	20	19	16	26	26	27	24	24	20	23	26	27	23	26

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	160,200	-0.5%	6.0%	658,007	2.5	10.2	15,766	1,034.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	54,500	3.2%	13.3%	162,807	3.3	14.6	3,738	134.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	29,100	4.9%	8.8%	145,712	2.1	11.1	2,612	774.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
GVR	36,300	4.5%	3.1%	145,200	2.5	23.1	1,572	157.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	76,800	6.4%	15.3%	144,785	2.4	31.3	2,454	515.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	27,350	1.7%	3.6%	136,894	1.7	7.7	3,546	332.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEX	34,500	1.2%	25.7%	45,143	2.3	30.3	1,139	427.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	13,400	-0.7%	5.5%	41,808	1.0	7.1	1,884	119.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	81,600	2.4%	5.2%	34,802	2.5	18.3	4,457	145.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAB	12,500	0.0%	5.6%	25,735	1.0	5.7	2,194	19.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	15,200	0.0%	2.0%	21,253	1.2	4.7	3,243	9.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	62,000	3.2%	-0.8%	19,843	3.8	71.7	865	449.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QNS	48,700	1.5%	5.4%	17,871	1.7	9.3	5,212	52.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMP	161,500	2.2%	7.3%	13,221	4.2	10.6	15,218	60.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
PHR	64,800	3.3%	1.6%	8,780	2.0	13.3	4,885	22.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KOS	38,700	0.0%	3.5%	8,378	3.6	441.1	88	20.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HNG	7,600	2.7%	8.6%	8,298	7.0	-8.6	-870	27.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PTB	51,400	0.8%	3.0%	4,129	1.2	6.6	7,823	5.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DPR	42,500	1.8%	1.2%	3,693	1.4	11.3	3,777	27.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CDC	21,800	6.9%	14.7%	2,301	4.0	81.4	268	5.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MCH	126,000	0.0%	-6.7%	163,102	9.5	23.6	5,341	55.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	23,600	-0.6%	-3.3%	26,484	1.4	21.9	1,077	146.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	18,100	-2.9%	-5.5%	7,444	1.1	7.2	2,532	138.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	25,850	0.6%	-4.3%	4,653	1.4	19.8	1,309	12.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TNG	19,300	-1.5%	-7.2%	2,485	1.2	5.9	3,269	24.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ELC	16,000	-4.2%	-8.3%	1,761	1.3	14.4	1,110	10.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRC	8,430	-0.6%	-6.0%	899	0.7	10.9	772	8.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	60,100	-0.8%	-1.6%	125,606	3.8	12.2	4,914	246.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
FPT	70,600	0.9%	-5.0%	120,268	3.1	12.4	5,691	603.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	22,700	-0.2%	0.4%	116,602	1.2	7.2	3,167	248.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	14,000	-1.1%	0.0%	73,543	1.0	5.4	2,618	631.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	21,600	0.0%	-3.4%	67,208	6.5	7.1	3,035	9.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VIB	16,000	0.3%	0.3%	54,464	1.1	7.2	2,231	36.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	52,100	0.2%	-2.3%	53,924	2.5	15.8	3,294	9.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	16,550	-0.9%	-1.2%	47,085	1.1	15.1	1,099	32.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
TPB	15,800	0.3%	-2.8%	43,830	1.0	5.9	2,661	176.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCI	25,500	-0.8%	-0.4%	29,265	1.7	19.4	1,314	172.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	138,300	0.2%	-7.1%	23,553	5.3	25.8	5,368	54.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	19,400	-0.5%	1.0%	19,418	2.3	11.0	1,760	32.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	47,900	-1.4%	-9.6%	18,191	1.2	6.9	6,911	264.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	13,200	0.00%	2.33%	25,500	93.2%	(143)	1.1	-92.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	47,900	-1.44%	-9.62%	91,200	90.4%	6,911	1.2	6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	23,600	-0.63%	-3.28%	42,600	80.5%	1,077	1.4	21.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	26,800	1.52%	-0.74%	45,800	70.9%	1,599	1.0	16.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	18,100	-2.95%	-5.48%	30,500	68.5%	2,532	1.1	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	70,600	0.86%	-4.98%	116,600	65.2%	5,691	3.1	12.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	25,850	0.58%	-4.26%	42,400	64.0%	1,309	1.4	19.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	14,400	-0.35%	-4.64%	23,100	60.4%	1,676	0.7	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	44,200	-2.00%	2.91%	66,800	51.1%	2,896	2.2	15.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	40,000	0.76%	-0.99%	60,000	50.0%	3,781	1.3	10.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLC	21,300	0.00%	-5.33%	31,900	49.8%	(99)	1.4	-216.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	32,850	0.92%	-5.47%	49,000	49.2%	1,971	1.7	16.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	28,050	-0.88%	2.75%	40,800	45.5%	2,153	1.8	13.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDG	25,100	1.01%	-1.95%	36,200	44.2%	1,798	1.4	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	126,000	0.00%	-6.67%	181,700	44.2%	5,341	9.5	23.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	22,700	-0.22%	0.44%	32,000	41.0%	3,167	1.2	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	27,850	0.18%	-0.54%	38,000	36.4%	3,314	1.3	8.4	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
PVT	22,600	-0.44%	-4.84%	30,800	36.3%	2,433	1.2	9.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	26,900	-0.37%	0.34%	36,600	36.1%	2,749	1.5	9.8	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
MBB	25,900	-0.38%	-0.19%	35,000	35.1%	3,442	1.5	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn